

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026
Hanoi, July 15, 2026

BÁO CÁO
Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

PERIODIC REPORT
On Corporate Bond's Principal And Interest Payments

Trái Phiếu VICH2326001 (mã trái phiếu: VIC123029)
Bond VICH2326001 (bond code: VIC123029)

Kính gửi: – Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
– Sở Giao dịch Chứng khoán.

To: – The State Securities Commission;
– The Stock Exchange.

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 30/06/2026)/(Reporting period from January 01, 2026 to June 30, 2026)

Đơn vị: tỷ đồng/Unit: VND billions

Mã chứng khoán/ Securities code	Kỳ hạn/ Period	Ngày phát hành/ Issue date	Ngày đáo hạn/ Maturity date	Số dư đầu kỳ/ Opening balance		Thanh toán trong kỳ/ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
				Gốc/ Principal	Lãi/ Interest	Gốc/ Principal	Lãi/ Interest	Gốc/ Principal	Lãi/ Interest
VIC123029	36 tháng/ 36 months	14/09/2023	14/09/2026	736,43	0,00	0,00	33,51	736,43	0,00

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ ngày 22/08/2025 đến hết ngày 24/02/2026)/(Reporting period from August 22, 2025 to February 24, 2026)*

Loại Nhà đầu tư/ Type of investors	Dư nợ đầu kỳ/ Opening balance		Thay đổi trong kỳ/ Changes during the period		Dư nợ cuối kỳ/ Closing balance	
	Giá trị (tỷ đồng)/ Value	Tỷ trọng (%)/ Percentage	Giá trị (tỷ đồng)/ Value	Tỷ trọng (%)/ Percentage	Giá trị (tỷ đồng)/ Value	Tỷ trọng (%)/ Percentage

	(VND billions)	(%)	(VND billions)	(%)	(VND billions)	(%)
I.Nhà đầu tư trong nước/ Domestic investors	726,03	98,59	-34,99	-4,75	691,04	93,84
1.Nhà đầu tư tổ chức/ Institutional investors	403,68	54,82	-34,96	-4,75	368,72	50,07
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions**	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	336,68	45,72	-13,96	-1,90	322,72	43,82
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
d) Công ty bảo hiểm/ Insurance companies	46,00	6,25	0,00	0,00	46,00	6,25
đ) Các tổ chức khác/ Other organisations	21,00	2,85	-21,00	-2,85	0,00	0,00
2. Nhà đầu tư cá nhân/ Individual investors	322,35	43,77	-0,03	-0,00	322,32	43,77
II.Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign investors	10,40	1,41	34,99	4,75	45,39	6,16
1.Nhà đầu tư tổ chức/ Institutional investors	4,13	0,56	26,81	3,64	30,94	4,20
a) Tổ chức tín dụng/ Credit institutions**	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
b) Quỹ đầu tư/Investment funds	0,00	0,00	10,13	1,38	10,13	1,38
c) Công ty chứng khoán/ Securities companies	3,62	0,49	15,15	2,06	18,77	2,55
d) Công ty bảo hiểm/ Insurance companies	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
đ) Các tổ chức khác/ Other organisations	0,51	0,07	1,53	0,21	2,04	0,28
2. Nhà đầu tư cá nhân/ Individual investors	6,27	0,85	8,18	1,11	14,45	1,96
Tổng/ Total	736,43	100,00	0,00	0,00	736,43	100,00

* Ngày 24/02/2026 là ngày đăng ký cuối cùng để thanh toán lãi Kỳ 5, vì vậy ngày 24/02/2026 là căn cứ chốt danh sách người sở hữu Trái phiếu gần nhất./February 24, 2026 is the latest registration date for interest payment of Period 5, so February 24, 2026 is the basis for closing the most recent Bondholders' list.

**** Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân./Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.**

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/ As above;
- Lưu DN/ For company records.

**TẬP ĐOÀN VINGROUP – CÔNG TY CP
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**VINGROUP JOINT STOCK COMPANY
CHIEF EXECUTIVE OFFICER**



NGUYEN VIET QUANG

